

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐIỆN BIÊN ĐÔNG
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 19-01-2024

V/v: *Tranh chấp ly hôn,
nuôi con khi ly hôn*

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐIỆN BIÊN ĐÔNG, TỈNH ĐIỆN BIÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hồng Quang.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Như Lữ và ông Lương Văn Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Sùng A Tình - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Điện Biên Đông, tỉnh Điện Biên;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Điện Biên Đông, tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa: Bà Cao Thị Ái- Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 01 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Điện Biên Đông, tỉnh Điện Biên, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 10/2023/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2023, về việc: Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2024/QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Quàng Thị M**, sinh năm: 1988;

Nơi cư trú: Bản 1, xã L, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. (Có mặt).

2. Bị đơn: Anh **Lò Văn T**, sinh năm: 1987;

Nơi cư trú: Bản 1, xã L, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. (Vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện ngày 07/8/2023, bản tự khai ngày 24/10/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Quàng Thị M trình bày:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Quàng Thị M và anh Lò Văn T lấy nhau theo phong tục tập quán vào năm 2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện Đ, tỉnh Điện Biên ngày 28/03/2008. Chị M và anh T chung sống và kết hôn hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn chị M và anh T chung sống hạnh phúc thời gian đầu. Đến đầu năm 2016 cuộc sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm và đã sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Hiện chị M xác định không còn tình cảm với anh T nữa. Do vậy, chị làm đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Điện Biên Đông xem xét, giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lò Văn T.

2. *Về con chung, con riêng*: Chị M và anh T có 02 con chung là các cháu Lò Thu H, sinh ngày 19/9/2008 và cháu Lò Thế D, sinh ngày 18/8/2015. Khi ly hôn chị M yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu Lò Thu H và Lò Thế D. Chị M không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

3. *Về tài sản*: Tài sản riêng, tài sản chung, nợ phải trả, nợ lấy về, diện tích ruộng nương chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** *Tại bản tự khai ngày 14/11/2023 anh Lò Văn T gửi cho Tòa án trình bày:***

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Anh Lò Văn T và chị Quàng Thị M tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 28/03/2008 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Đến đầu năm 2016 cuộc sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, đến năm 2018 thì anh T và chị M đã sống ly thân cho đến nay. Hiện chị M khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn thì anh Lò Văn T không đồng ý do anh T vẫn còn tình cảm với chị M.

2. *Về con chung, con riêng*: Anh T và chị M có 02 con chung là cháu Lò Thu H, sinh ngày 19/9/2008 và cháu Lò Thế D, sinh ngày 18/8/2015. Trường hợp chị M cương quyết ly hôn thì anh T đồng ý để cháu H và cháu D sống cùng với chị Quàng Thị M theo như nguyện vọng của các cháu.

3. *Về tài sản*: Tài sản riêng, tài sản chung, nợ phải trả, nợ lấy về, diện tích ruộng nương anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhân dân huyện Điện Biên Đông đã tổng đạt hợp lệ các thủ tục cho anh Lò Văn T theo quy định của pháp luật nhưng anh T luôn vắng mặt không có lý do.

*** *Người có quyền và lợi ích được bảo vệ***: Các cháu Lò Thu H, sinh ngày 19/9/2008 và cháu Lò Thế D, sinh ngày 18/8/2015. Tại biên bản lấy lời khai ngày 24/10/2023 của các cháu trình bày là cả cháu H và cháu D đều muốn sống cùng với mẹ.

Tại phiên tòa: Chị Quàng Thị M vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn, giải quyết cho chị được trực tiếp nuôi con, chị M không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con; không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản như nội dung đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án chị đã trình bày.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Điện Biên Đông, tỉnh Điện Biên phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án đều tuân thủ các quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự. Quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 51; Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ

Quốc hội về án phí và lệ phí tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Quàng Thị M, chị M được ly hôn anh Lò Văn T. Giao các cháu Lò Thu H, sinh ngày 19/9/2008 và cháu Lò Thế D, sinh ngày 18/8/2015 cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các cháu thành niên và có khả năng lao động. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho chị Quàng Thị M.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật: Căn cứ đơn khởi kiện về việc xin ly hôn của chị Quàng Thị M đối với anh Lò Văn T và các tài liệu, chứng cứ kèm theo của nguyên đơn chị Quàng Thị M, Tòa án xác định đây là vụ án: “***Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn***”.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn có đăng ký thường trú tại bản 1, xã L, huyện Điện Biên Đông, tỉnh Điện Biên nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Điện Biên Đông, tỉnh Điện Biên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về sự vắng mặt của đương sự: Tòa án nhân dân huyện Điện Biên Đông đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 15/12/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2024/QĐST-HNGĐ ngày 03/01/2024 cho anh Lò Văn T. Nhưng anh T không đến phiên tòa và không có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 233, Điều 235 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

[4]. Về điều luật áp dụng: Chị M và anh T lấy nhau và đi đăng ký kết hôn tự nguyện vào ngày 28/03/2008 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Tòa án sẽ áp dụng các quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

[5]. Về quan hệ hôn nhân: Chị M và anh T lấy nhau và đi đăng ký kết hôn tự nguyện vào ngày 28/03/2008 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện các bên kết hôn khi đã đủ điều kiện kết hôn. Do vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị M và anh T là hợp pháp. Hiện tại chị M không còn tình cảm với anh T. Nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị M và anh T là do bất đồng quan điểm sống, hai vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, anh T nghiện ma túy, hiện chị M đã ly thân với anh T, nội dung này đã được chính quyền địa phương xác nhận. Hiện chị M thấy không còn tình cảm với anh T, mục đích hôn nhân không đạt được. Như vậy, có đủ cơ sở khẳng định việc chị M cho rằng hai vợ chồng không còn hạnh phúc, chị M không còn tình cảm với anh T là đúng. Xét tình trạng thực tế giữa hai vợ chồng, Hội đồng xét xử thấy có đủ căn cứ xác định chị M và anh T đã sống ly thân, không cùng chung sống nuôi dạy con cái. Do đó, đã làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng

trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, cần căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của chị Mùi, giải quyết cho chị Quàng Thị M ly hôn với anh Lò Văn T.

[6]. Về con chung, con riêng: Chị M và anh T có 02 con chung là cháu Lò Thu H, sinh ngày 19/9/2008 và cháu Lò Thế D, sinh ngày 18/8/2015. Chị M có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các cháu vì hiện tại các cháu còn nhỏ tuổi, chị M không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của các cháu và đảm bảo sự phát triển về mọi mặt của trẻ cũng như xét theo nguyện vọng của các cháu, Hội đồng xét xử thấy yêu cầu và nguyện vọng của chị M là chính đáng, phù hợp với quy định của pháp luật, nên căn cứ các quy định tại Điều 58, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình 2014 giao cả 02 cháu cho chị M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con cho chị M. Anh T có quyền đi lại thăm nom, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Quyền nuôi con và cấp dưỡng nuôi con có thể được thay đổi theo quy định tại Điều 84 của Luật hôn nhân gia đình 2014 khi có yêu cầu.

[7]. Về tài sản: Tài sản riêng, tài sản chung, nợ phải trả, nợ lấy về, diện tích ruộng nương: Chị Quàng Thị M và anh Lò Văn T không đề nghị Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8]. Án phí: Quá trình giải quyết vụ án chị Quàng Thị M có đơn xin miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí. Tại phiên tòa chị tiếp tục đề nghị HĐXX xem xét miễn tiền án phí DSTT cho chị, bởi vì, bản thân và gia đình chị là người dân tộc Thái đang cư trú tại xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Vì vậy, cần áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội xem xét miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm cho chị Quàng Thị M là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51; Điều 53, khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 69; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 233, Điều 235, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/ 2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Quàng Thị M. Chị M được ly hôn với bị đơn anh Lò Văn T.

2. Về con chung: Giao con chung là các cháu Lò Thu H, sinh ngày 19/9/2008 và cháu Lò Thế D, sinh ngày 18/8/2015 cho chị Quàng Thị M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu thành niên và có khả năng lao động. Anh Lò Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở và có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi con.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung.

Quyền nuôi con và cấp dưỡng nuôi con có thể được thay đổi theo quy định tại Điều 84 của Luật hôn nhân gia đình 2014 khi có yêu cầu.

3. Về tài sản: Tài sản riêng, tài sản chung, nợ phải trả, nợ lấy về, diện tích ruộng nương: Chị Quàng Thị M và anh Lò Văn T không đề nghị Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Quàng Thị M được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

Chị Quàng Thị M được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 19/01/2024). Bị đơn anh Lò Văn T vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện ĐBĐ;
- CCTHADS huyện ĐBĐ;
- Phòng KTNV và THA TAND tỉnh ĐB;
- UBND xã L;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Hồng Quang